Ngày soạn:

Ngày dạy:

**Tiết 14,15,16 – Bài 7. BẢN ĐỒ CHÍNH TRỊ CHÂU Á, CÁC KHU VỰC CỦA CHÂU Á.**

**Thời lượng: 3 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

-Các khu vực của châu Á trên bản đồ chính trị.

-Đặc điểm tự nhiên của một trong các khu vực ở châu Á.

**2.Năng lực**

- Xác định được từng khu vực của Châu Á, đặc điểm đặc trưng của mỗi khu vực.

- Thu thập các nguồn tài liệu về đặc điểm tự nhiên của một trong các khu vực của châu Á.

- Giáo viên tạo điều kiện cho học sinh sử dụng các công cụ của địa lí học như: atlat địa lí, bản đồ, lược đồ, biểu đồ, bảng số liệu, tranh ảnh,...

**3. Phẩm chất**

- Thích đọc sách báo, tìm tư liệu trên mạng Internet để hiểu được đặc điểm kinh tế xã hội của các nước ở châu Á. Tìm hiểu phân tích các điều kiện tự nhiên của một trong các khu vực ở châu Á.

- Có trách nhiệm trong việc sử dụng hợp lí và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động bảo vệ thiên nhiên, phản đối những hành vi xâm hại thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Bản đồ chính trị châu Á.

- Bản đồ tự nhiên của từng khu vực châu Á.

- Các hình ảnh về tự nhiên, kinh tế - xã hội của các khu vực châu Á.

- Phiếu học tập.

- Sách giáo khoa, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**

Tạo hứng thú cho học sinh trước khi vào bài mới.

**b. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1:** **GV giao nhiệm vụ học tập**

**+** GV chiếu 4 hình ảnh liên quan đến châu Á, yêu cầu học sinh quan sát cho biết đây là khu vực nào của châu Á?

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

Học sinh quan sát hình ảnh và ghi câu trả lời ở mỗi bức ảnh ra giấy.

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

+ GV định hướng cho các em, mở rộng nội dung để tạo tính hứng thú.

+ Khuyến khích động viên các em mạnh dạn đưa ra câu trả lời.

+ Học sinh sau khi xem xong 4 bức ảnh đưa ra câu trả lời ở cả 4 bức ảnh.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, chuyển ý kết nối vào bài mới**

GV khen ngợi phần trả lời, làm bài của HS.

+ Dẫn dắt vào bài mới: Thiên nhiên châu Á phân hoá vô cùng đa dạng. Không chỉ có khu vực Đông Nam Á, châu Á còn có những khu vực nào khác? Đặc điểm tự nhiên ra sao? Chúng ta cùng tìm hiểu trong ba tiết học này.

**2. HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ**

**2.1. Hoạt động 1. Tìm hiểu bản đồ chính trị các khu vực của châu Á.**

**a. Mục tiêu**

Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vực của châu Á.

**b. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Quan sát hình : bản đồ chính trị châu Á và thông tin trong sgk: Xác định các khu vực châu Á? Thảo luận cặp hoàn thành bảng nội dung sau:  Phiếu học tập   |  |  |  | | --- | --- | --- | | stt | Khu vực | Các quốc gia và thủ đô | | 1 | Bắc Á |  | | 2 | Trung Á |  | | 3 | Đông Á |  | | 4 | Tây Á  (Tây Nam Á) |  | | 5 | Nam Á |  | | 6 | Đông Nam Á |  |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  **Gv:** gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ.  **Hs:** Thực hiện nhiệm vụ theo cặp.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  **Hs:** Trình bày kết quả.  **Gv:** Lắng nghe, quan sát phần trình bày của học sinh và gọi học sinh khác nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, chốt kiến thức**  Gv: Chuẩn kiến thức và ghi bảng.  Hs: Lắng nghe, ghi bài. | **1. Bản đồ chính trị các khu vực của châu Á.**  - Châu Á gồm 49 quốc gia và vùng lãnh thổ.  - Trên bản đồ chính trị, Châu Á được phân chia thành thành 6 khu vực. |

**2.2. Hoạt động 2. Tìm hiểu đặc điểm tự nhiên các khu vực của châu Á.**

**a. Mục tiêu**

- Trình bày được đặc điểm tự nhiên của các khu vực thuộc châu Á

- Biết cách sử dụng bản đồ để nhận biết các đặc điểm tự nhiên của khu vực.

**b. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Hoạt động nhóm: Kĩ thuật: mảnh ghép.  Dựa vào hình và thông tin trong mục 2, các em hãy trao  \* Khu vực Bắc Á: Dựa vào hình 7.2 sgk và thực hiện các nội dung dưới đây:  **Nhóm 1 và 2**  1. Bắc Á có ba khu vực địa hình chính là………………………………………….  2. Phần lớn lãnh thổ của vùng có khí hậu gì?.............................................................  **Nhóm 3 và 4**  1. Cho biết các sông lớn của Bắc Á. ………………………………………………  2. Hồ nước ngọt lớn và sâu nhất thế là. ……………………………………………..  3. Các loại khoáng sản chính của Bắc Á là. …………………………………………….  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  Gv: gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ.  Hs: Thực hiện nhiệm vụ nhóm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  Hs: Trình bày kết quả theo nhóm.  - Địa hình: có 3 khu vực chính: Đồng bằng Tây Xi-bia, cao nguyên Trung Xi-bia, miền núi Đông và Nam Xi-bia.  - Khí hậu: ôn đới lục địa.  - Thực vật: chủ yếu là rừng tai-ga.  - Vùng giáp Bắc Băng Dương thuộc đới lạnh, thực vật chủ yếu là đài nguyên   Sông ngòi: nhiều sông lớn (Lê-na, I-ê-nít-xây, Ô-bi,...) chảy từ Nam lên Bắc, đóng băng mùa đông, lũ vào mùa xuân.  - Các đới thiên nhiên chính: cực và cận cực, ôn đới.  - Khoáng sản chủ yếu: sắt, thiếc, đồng, than đá, dầu mỏ,...  Gv: Lắng nghe và gọi học sinh nhóm khác nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, chốt kiến thức**  Gv: Chuẩn kiến thức và ghi bảng.  Hs: Lắng nghe, ghi bài  \* Khu vực Trung Á: Dựa vào hình 7.2 sgk và thực hiện các nội dung dưới đây:  **Nhóm 1 và 2**  1. Vị trí của Trung Á………………………………..  2. Cho biết các cảnh quan chính của vùng……………  ………………………………………………………..  **Nhóm 3 và 4**  1. Phần lớn lãnh thổ của vùng có khí hậu gì…………  ……………………………………………………….  2. Các loại khoáng sản chính của Trung Á là………  ………………………………………………………  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  Gv: gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ.  Hs: Thực hiện nhiệm vụ nhóm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  Hs: Trình bày kết quả theo nhóm.  - Địa hình: bị các hệ thống núi bao bọc xung quanh.  - Khí hậu: mang tính chất ôn đới lục địa gay gắt.  - Sông ngòi: có một số con sông lớn (sông Xưa Đa-ri-a, sông A-mu Đa-ri-a).  - Các đới thiên nhiên chính: ôn đới và cận nhiệt.  - Cảnh quan: chủ yếu là thảo nguyên, bán hoang mạc và hoang mạc; khu vực núi cao có rừng lá kim phát triển.  - Khoáng sản chủ yếu: than đá, dầu mỏ, sắt, kim loại quý và kim loại màu.  Gv: Lắng nghe và gọi học sinh nhóm khác nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, chốt kiến thức**  Gv: Chuẩn kiến thức và ghi bảng.  Hs: Lắng nghe, ghi bài  \* Khu vực Đông Á:Dựa vào hình 7.2 sgk và thực hiện các nội dung dưới đây:  **Nhóm 1 và 2**  1. Đông Á có thể chia thành hai bộ phận nào?  ……………………………………………………….  2. Phần lớn lãnh thổ của vùng có khí hậu gì? Phía đông phần lục địa và phần hải đảo chịu ảnh hưởng của khí hậu gì?........................................................  **Nhóm 3 và 4**  1. Cho biết sông ngòi chính của Đông Á………….  ……………………………………………………..  2. Cho biết các cảnh quan chính của Đông Á…….  …………………………………………………….  3. Các loại khoáng sản chính của Đông Á là……..  …………………………………………………….  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  Gv: gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ.  Hs: Thực hiện nhiệm vụ nhóm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  Hs: Trình bày kết quả theo nhóm.  - Địa hình: chia thành 2 bộ phận lục địa và hải đảo.  + Phần lục địa:   * Phía tây Trung Quốc có các hệ thống núi, sơn nguyên đồ sộ và các bồn địa; khí hậu ôn đới lục địa, cảnh quan chủ yếu là thảo nguyên bán hoang mạc và hoang mạc. * Phía đông là các vùng đồi núi thấp xen các đồng bằng rộng, khí hậu ẩm hơn, có thảo nguyên rừng ở phía bắc, rừng cận nhiệt ở miền Trung và rừng nhiệt đới ẩm ở phía nam. Có các sông lớn là Hoàng Hà, Trường Giang,...   + Phần hải đảo: gồm các quần đảo và đảo.  - Khí hậu: phía nam có khí hậu cận nhiệt, phía đông phần lục địa và hải đảo chịu ảnh hưởng của gió mùa.  - Các đới thiên nhiên chính: ôn đới.  - Khoáng sản: có nhiều khoáng sản như sắt, đồng, chì, kẽm, thiếc, than đá và dầu mỏ.  Gv: Lắng nghe và gọi học sinh nhóm khác nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, chốt kiến thức**  Gv: Chuẩn kiến thức và ghi bảng.  Hs: Lắng nghe, ghi bài  \* Khu vực Tây Nam Á:Dựa vào hình 7.2 sgk và thực hiện các nội dung dưới đây:  **Nhóm 1,2,34.**  1. Tây Á có ba khu vực địa hình nào?.....................  ………………………………………………………  2. Tây Á nằm trong đới khí hậu nào?.......................  ………………………………………………………  3. Hai sông lớn trong khu vực là……………………  ………………………………………………………  4. Hồ nước mặn nổi tiếng trên thế giới, nằm dưới mực nước biển 427m là…………………………………..  5. Các loại khoáng sản của Tây Á là………………..  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  Gv: gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ.  Hs: Thực hiện nhiệm vụ nhóm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  Hs: Trình bày kết quả theo nhóm.  - Địa hình: có 3 khu vực chính là các sơn nguyên ở bán đảo A-ráp, đồng bằng Lưỡng Hà và miền núi cao.  - Khí hậu: chủ yếu là cận nhiệt địa trung hải ở phía bắc và nhiệt đới khô ở phía nam nên khô hạn và nóng.  - Cảnh quan: chủ yếu là hoang mạc và bán hoang mạc. Trên vùng núi cao phát triển rừng thưa và cây bụi do khí hậu dịu mát hơn.  - Sông ngòi: có 2 sông lớn là Ti-grơ và Ơ-phrát.  - Các đới thiên nhiên chính: cận nhiệt.  - Khoáng sản: dầu mỏ, đồng, sắt, than đá,...  Gv: Lắng nghe và gọi học sinh nhóm khác nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, chốt kiến thức**  Gv: Chuẩn kiến thức và ghi bảng.  Hs: Lắng nghe, ghi bài  \* Khu vực Nam Á:Dựa vào hình 7.2 sgk và thực hiện các nội dung dưới đây:  **Nhóm 1 và 2**  1. Nam Á có ba miền địa hình nào?.........................  ………………………………………………………  2. Hệ thống núi trẻ cao đồ sộ nhất thế giới là……….  ………………………………………………………..  3. Nam Á nằm trong đới khí hậu nào?........................  ………………………………………………………..  **Nhóm 3 và 4**  4. Hai sông lớn trong khi vực là……………………..  ………………………………………………………..  5. Cho biết các cảnh quan chính của Nam Á là………  ………………………………………………………..  6. Các loại khoáng sản chính của Nam Á là………….  ………………………………………………………..  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  Gv: gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ.  Hs: Thực hiện nhiệm vụ nhóm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  Hs: Trình bày kết quả theo nhóm.  **Nhóm 1 và 2**  - Địa hình: hệ thống núi trẻ Hi-ma-lay-a cao và đồ sộ nhất thế giới, cao nguyên Đê-can ở phía nam, sơn nguyên I-ran ở phía tây và đồng bằng Ấn - Hằng.  - Khí hậu: phần lớn Nam Á có khí hậu nhiệt đới gió mùa điển hình: mùa đông có gió mùa đông bắc với thời tiết lạnh, khô; mùa hạ có gió mùa tây nam nóng, ẩm. Phía tây nam có khí hậu nhiệt đới khô, trên các khu vực núi cao có sự phân hóa theo độ cao địa hình, các sườn phía nam có khí hậu nóng ẩm, các sườn phía bắc có khí hậu khô và lạnh hơn.  **Nhóm 3 và 4**  - Sông ngòi: Có 2 sông lớn là sông Ấn và sông Hằng, bồi đắp nên đồng bằng Ấn Hằng màu mỡ.  - Các đới thiên nhiên chính: cận nhiệt.  - Cảnh quan: rừng nhiệt đới ẩm ở phía đông; xavan, hoang mạc ở phía tây; cảnh quan núi cao ở Hi-ma-lay-a.  - Khoáng sản: dầu mỏ, khí tự nhiên, than đá, sắt,...  Gv: Lắng nghe và gọi học sinh nhóm khác nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, chốt kiến thức**  Gv: Chuẩn kiến thức và ghi bảng.  Hs: Lắng nghe, ghi bài  \* Khu vực Đông Nam Á:Dựa vào hình 7.2 sgk và thực hiện các nội dung dưới đây:  **Nhóm 1 , 2,3,4**  1. Đông Nam Á có hai bộ phận lãnh thổ nào?............  ………………………………………………………..  2. Đông Nam Á nằm trong đới khí hậu nào?..............  ………………………………………………………..  3. Các sông lớn trong khu vực là ……………………  ……………………………………………………….  4. Cho biết các cảnh quan chính của Đông Nam Á…..  ………………………………………………………..  5. Các loại khoáng sản của Đông nam Á là………….  ……………………………………………………….  CH: Đặc điểm tự nhiên của khu vực nào làm em ấn tượng nhất?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  Gv: gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ.  Hs: Thực hiện nhiệm vụ nhóm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả**  Hs: Trình bày kết quả theo nhóm.  - Địa hình: gồm 2 bộ phận.  + Phần đất liền: gồm các dãy núi nối tiếp dãy Hi-ma-lay-a chạy dài hướng bắc - nam hoặc tây bắc - đông nam, bao quanh những khối cao nguyên thấp; đồng bằng phù sa màu mỡ tập trung ở ven biển và hạ lưu các con sông lớn.  + Phần hải đảo: là khu vực có nhiều núi lửa, động đất.  - Khí hậu: xích đạo, cận xích đạo và nhiệt đới ẩm gió mùa.  + Mùa hạ nóng ẩm mưa nhiều, mùa đông khô.  + Một số khu vực có thời tiết lạnh do có gió mùa mùa đông.  + Trên các đảo và phần phía nam của lục địa có khí hậu xích đạo và cận xích đạo.  - Sông ngòi: mạng lưới tương đối dày đặc, có các sông lớn: Mê Công, I-ra-oa-đi, sông Hồng,…  - Các đới thiên nhiên chính: xích đạo và cận xích đạo.  - Cảnh quan: phần lớn là rừng nhiệt đới ẩm, phía tây có rừng rụng lá theo mùa. Trên các đảo phổ biến là rừng xích đạo ẩm và rừng gió mùa.  - Khoáng sản: dầu mỏ, thiếc, sắt, than đá,….  Gv: Lắng nghe và gọi học sinh nhóm khác nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, chốt kiến thức**  Gv: Chuẩn kiến thức và ghi bảng.  Hs: Lắng nghe, ghi bài  GV TÍCH HỢP: giới thiệu các móc chủ quyền biển đảo việt nam.  Việt nam là 1 quốc gia ven biển nằm bên bờ tây của biển đông giữ vị trí chiến lược về địa lí chính trị mà không phải quốc gia nào cũng có với đường bờ biển dài 3260 km kéo dài từ bắc tới nam thứ thứ 27 trong 157 quốc gia ven biển ,đảo trên thế giới.  Hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nằm gần như giữa Biển Đông, có vị trí chiến lược về an ninh quốc phòng, là khu vực có nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào phục vụ phát triển kinh tế đất nước. Trường Sa và Hoàng Sa là hồn thiêng sông núi, nơi thấm đẫm bao mồ hôi, xương máu của những thế hệ người con đất Việt và là những cột mốc chủ quyền không cần phải tranh cãi của Việt Nam ở biển Đông | **2. Đặc điểm tự nhiên các khu vực của châu Á.**  \* Bắc Á: khí hậu lạnh nhất  \*Trung Á: nằm sâu trong nội địa, khô hạn.  \*Tây Nam Á: khí hậu khô hạn, nhiều dầu mỏ.  \*Nam Á: địa hình núi cao, lượng mưa lớn và phân hóa theo mùa.  \*Đông Á: Phân hóa rõ rệt giữa vùng ven biển và sâu trong nội địa, các đảo và quần đảo, nhiều thiên tai.  \*Đông Nam Á: Khí hậu nhiệt đới gió mùa và xích đạo, nhiều thiên tai. |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**

Củng cố, luyện tập các kiến thức đã học trong bài.

**b. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Câu 1: Dựa vào hình 7.1 em hãy lựa chọn 1 khu vực ở châu Á và kể tên ít nhất ba quốc gia trong khu vực đó?

Câu 2: Hoàn thành bảng tổng hợp thể hiện đặc điểm tự nhiên của một trong các khu vực châu Á theo mẫu bên:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Khu vưc/ Đặc điểm | Địa hình | Khí hậu | Sông ngòi | Thực vật |
|  |  |  |  |  |

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

Học sinh làm việc tại chỗ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

Câu 1: Khu vực Đông Nam Á. Ba quốc gia là: Việt Nam, Lào , Campuchia.

Câu 2: Ví dụ: khu vực Tây Á:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Đặc điểm | Địa hình | Khí hậu | Sông ngòi | Thực vật |
|  | Bán đảo A-ráp, bán đảo Tiểu Á, đồng bằng Lưỡng Hà. Có nhiều núi và sơn nguyên. | Lượng mưa rất thấp, khoảng 200 - 300 mm/năm, một số vùng gần Địa Trung Hải có mưa nhiều hơn. | Sông ngòi kém phát triển, nguồn nước rất hiếm. Hai sông lớn trong khu vực là Ti - grơ (Tigris) và ơ-phrát (Euphrates), biển Chết là hồ nước mặn | Phần lớn là hoang mạc và bán hoang mạc |

**Bước 4: Đánh giá kết quả, chốt kiến thức**

GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**

Phát triển năng lực tìm hiểu địa lí, vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí vào cuộc sống, năng lực tự chủ và tự học. Nâng cao khả năng tìm hiểu kiến thức thông qua hình ảnh, sách báo, internet phục vụ học tập.

**b. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Hãy thu thập tranh ảnh, tư liệu về đặc điểm tự nhiên của một trong các khu vực của châu Á.  
**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

Học sinh làm việc tại chỗ.

**Bước 3: Báo cáo kết quả**

Thông tin học sinh tìm được về tự nhiên ở một khu vực của châu Á mà học sinh quan tâm.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, chốt kiến thức**

Học sinh tìm hiểu thông tin trên sách báo, internet để hoàn thành nhiệm vụ. Học sinh tìm hiểu và làm việc ở nhà, báo cáo kết quả vào tiết học sau.

**IV. HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

**1. Bài vừa học**

- Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vực của châu Á.

- Trình bày được đặc điểm tự nhiên của một trong các khu vực ở châu Á.

- Biết cách sử dụng bản đồ để phân tích các đặc điểm tự nhiên của từng khu vực.

**2. Bài sắp học**

Bài 8thực hành; Tìm hiểu các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi ở châu Á.